

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LÊ THỊ THANH HÀ

**ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN
NGÀNH BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Chính sách khoa học và công nghệ
Mã số: 60.34.70

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ CHÍNH SÁCH KH&CN

Hà Nội-2011

Công trình được hoàn thành tại: Viện khoa học BHXH, Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: TS. Mai Hà

Phần biên 1:.....

.....

Phần biên 2:.....

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận thạc sĩ họp
tại:.....
.....giê.....nguy.....th, ng n"m

Cả thó t"m hi"u luận v"n t"i:

- Trung tâm thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài:

Ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thành lập năm 1995 trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị thực hiện chính sách BHXH của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính. Sau khi có Quyết định số 1147/QĐ-KH ngày 1 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học - Công nghệ) về việc công nhận BHXH Việt Nam là đầu mối kế hoạch khoa học công nghệ, BHXH Việt Nam đã tổ chức ngay các hoạt động khoa học. Lãnh đạo BHXH Việt Nam đã xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành, nhằm cung cấp những luận cứ khoa học để hoàn thiện chính sách, chế độ BHXH, BHYT. Đồng thời, thông qua việc nghiên cứu khoa học còn giúp cho ngành BHXH Việt Nam tìm ra được những phương pháp quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ BHXH, BHYT có hiệu quả cao, bảo đảm quyền lợi của người lao động tham gia BHXH, BHYT góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Từ năm 1996 đến nay, BHXH Việt Nam đã tổ chức nghiên cứu một số lượng lớn đề tài, chuyên đề khoa học. Quy trình quản lý, tổ chức nghiên cứu được tiến hành khá chặt chẽ, khoa học theo qui định của Bộ Khoa học Công nghệ. Tính đến hết năm 2009, BHXH Việt Nam đã tổ chức nghiệm thu được trên 150 đề tài, chuyên đề khoa học (đề tài cấp nhà nước, cấp ngành và cấp viện). Trong đó có một số các đề tài nghiên cứu về lý luận BHXH, còn lại chủ yếu là các đề tài ứng dụng và phân theo các lĩnh vực chuyên môn như: quản lý quỹ; quản lý thu; chi; thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHYT và các lĩnh vực khác. Bên cạnh những kết quả đã đạt được như đã nêu trên, trong thực tế hoạt động khoa học của ngành vẫn còn nhiều hạn chế về quản lý nghiên cứu, năng lực nghiên cứu, nguồn cán bộ nghiên cứu, cơ chế khuyến khích, cơ

chế phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành, hợp tác quốc tế và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu trong các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn.

Từ những lý do trên, tôi lựa chọn vấn đề nghiên cứu là: **"Đổi mới quản lý nhiệm vụ khoa học & công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học & công nghệ ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam"**.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

- Đánh giá thực trạng hoạt động quản lý, nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của ngành BHXH Việt Nam hiện nay.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động KH&CN, như chất lượng nghiên cứu khoa học và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học & công nghệ của ngành BHXH Việt Nam (hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học trong ngành BHXH)

3. Phạm vi nghiên cứu:

- Hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học ngành BHXH từ năm 1996 đến nay.

4. Đối tượng nghiên cứu:

- Môi trường pháp lý về hoạt động khoa học nói chung và của ngành BHXH Việt Nam nói riêng.

- Hiệu quả quản lý nghiên cứu khoa học trong ngành BHXH.

5. Câu hỏi nghiên cứu:

- Thực trạng thực hiện nhiệm vụ KH&CN ngành BHXH Việt Nam như thế nào (Giới hạn trong công tác quản lý, nghiên cứu và ứng dụng khoa học ngành BHXH Việt Nam)?

- Các yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động khoa học & công nghệ ngành BHXH Việt Nam

- Giải pháp nào để nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học & công nghệ ngành BHXH Việt Nam.

6. Phương pháp nghiên cứu:

- Nghiên cứu các văn bản, tài liệu quy định, hướng dẫn hoạt động khoa học nói chung và của ngành BHXH Việt Nam.

- Tổng hợp hoạt động khoa học trong toàn ngành BHXH từ trung ương đến 64 tỉnh, thành phố từ năm 1996 đến nay.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá.

- Phỏng vấn chuyên gia.

7. Cấu trúc luận văn:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về nhiệm vụ KH&CN và hoạt động khoa học ngành BHXH.

Chương 2: Thực trạng thực hiện nhiệm vụ KH&CN của ngành BHXH Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN ngành BHXH Việt Nam.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NHIỆM VỤ KH&CN VÀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NGÀNH BHXH

1.1. Một số khái niệm chung về nhiệm vụ KH&CN.

1.1.1. Khoa học.

Điều 2 của Luật khoa học & công nghệ định nghĩa: “*Khoa học* là hệ thống tri thức về các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy”.

1.1.2. Nhiệm vụ KH&CN:

Hoạt động KH&CN có các nhiệm vụ theo Luật KH&CN

1.1.3. Hoạt động KH&CN.

Theo Luật KH&CN: hoạt động KH&CN bao gồm NCKH, nghiên cứu phát triển công nghệ, dịch vụ KH&CN, hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển KH&CN .

1.1.4. Hoạt động khoa học của ngành BHXH Việt Nam.

(Theo Quy chế về hoạt động khoa học trong ngành BHXH Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 4869/QĐ-BHXH ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam): Là các hoạt động khoa học có nội dung liên quan đến chiến lược phát triển ngành BHXH và triển khai tổ chức thực hiện các chính sách chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.

1.1.5. Quản lý khoa học (quản lý nhà nước và quản lý cấp cơ sở) Nội dung quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo Luật KH&CN

1.1.6. Nghiên cứu khoa học.

Định nghĩa nghiên cứu khoa học theo Luật KH&CN: Nghiên cứu khoa học là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, qui luật của tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. NCKH bao gồm nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

1.1.7. Ứng dụng khoa học.

- *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới;

-. *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống;

1.2. Các quy định về hoạt động khoa học trong ngành BHXH.

Căn cứ vào Luật KH&CN, các Nghị định, Thông tư quy định về tài chính trong quản lý và nghiên cứu khoa học của Bộ KH&CN, Bộ Tài chính;

Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam đã ban hành hai văn bản về quản lý hoạt động khoa học của ngành BHXH Việt Nam:

- Quyết định số 4869/QĐ-BHXH ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy chế hoạt động khoa học trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Quyết định số 823/QĐ-BHXH ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học ngành BHXH Việt Nam.

1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học về lĩnh vực BHXH, BHYT

1.3.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học về BHXH

Tính đến hết năm 2010 số lao động tham gia BHXH bắt buộc là 9.4 triệu người. Công tác giải quyết chế độ chính sách BHXH từ năm 2007 đến hết năm 2010 là gần 17.3 triệu lượt người. Trong đó người hưởng hàng tháng là 0,5 triệu người, người hưởng BHXH 1 lần là 1,8 triệu người và 15 triệu lượt người hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức. Riêng năm 2010, tổng thu BHXH là 80.115 tỷ đồng, tổng số chi BHXH là 61.084,9 tỷ đồng. Đây là những con số chung nhất trong lĩnh vực BHXH. Từ những con số này chúng ta thấy được khối lượng công việc trong thực hiện chính sách BHXH.

Các chế độ BHXH được chia thành hai loại: các chế độ BHXH dài hạn và các chế độ bảo hiểm ngắn hạn

1.3.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học về BHYT

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, cả nước có gần 54 triệu người được cấp thẻ BHYT trong đó có trên 8 triệu trẻ em dưới 6 tuổi, hơn 13 triệu người nghèo. Tổng số thu BHYT năm 2010 là 25.531 tỷ đồng, với số chi là 19.002 tỷ đồng. Tổ chức nghiên cứu BHYT thực tế là nghiên cứu chế độ ngắn hạn, tuy nhiên việc nghiên cứu BHYT có một số đặc thù sau:

-Phương thức thanh toán theo phí dịch vụ hiện nay gây nhiều tranh cãi trong việc ảnh hưởng đến cân đối quỹ

- Mọi quan hệ trong lĩnh vực BHYT bao gồm 3 nhân tố: cơ quan BHYT, người tham gia BHYT và những cơ sở khám chữa bệnh ký hợp đồng với cơ quan BHYT để khám chữa bệnh cho người tham gia BHYT.

- Hoạt động nghiên cứu về BHYT cần thực hiện trên nguyên tắc: cân đối dài hạn, phối hợp chặt chẽ với ngành y tế thực hiện tốt các dịch vụ y tế và thực hiện tốt chính sách BHYT.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CỦA NGÀNH BHXH VIỆT NAM

2.1. Công tác quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của ngành BHXH.

2.1.1. Môi trường pháp lý trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 21/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 và các Thông tư, Thông tư liên bộ của các Bộ Tài chính, Bộ KH&CN, ngành BHXH đã xây dựng một số văn bản chỉ đạo công tác quản lý và nghiên cứu khoa học của ngành BHXH. Các văn bản này trong quá trình triển khai đều được sửa đổi, bổ sung để ngày càng chặt chẽ và phù hợp với thực tế của ngành.

2.1.2. Tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học:

2.1.2.1. Đơn vị quản lý hoạt động khoa học của ngành BHXH Việt Nam:

Theo Luật KH&CN, Viện Khoa học BHXH là Tổ chức nghiên cứu và phát triển của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi chung là tổ chức nghiên cứu và phát triển cấp bộ); Viện Khoa học bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, có chức năng tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động khoa học về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (gọi chung là BHXH) để ứng dụng vào hoạt động của ngành bảo hiểm xã hội.

2.1.2.2. Quá trình tổ chức hoạt động nghiên cứu ngành BHXH:

Từ năm 1996 đến nay BHXH Việt Nam đã thực hiện khá nghiêm túc qui định về quản lý và nghiên cứu khoa học. Các đề tài, chuyên đề đều phải thực hiện theo qui định chung của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam gồm các bước:

- Xây dựng định hướng nghiên cứu.

Đăng ký đề tài:

Thẩm định, tuyển chọn nội dung nghiên cứu.

Tổ chức Hội thảo đề cương chi tiết:

Tổ chức nghiên cứu:

Tổ chức nghiệm thu, tiếp nhận sản phẩm.

2.1.2.3. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ngành BHXH Việt Nam

Viện khoa học BHXH Việt Nam được thành lập theo Nghị định 94/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ qui định về cơ cấu tổ chức của cơ quan BHXH Việt Nam. Tiền thân của Viện là Trung tâm Thông tin - khoa học được thành lập năm 1996. Cơ cấu của Viện gồm 3 phòng: Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Nghiên cứu dự báo, Phòng Quản lý khoa học. Số lượng cán bộ chuyên trách nghiên cứu hạn chế nên Viện chủ yếu làm công tác quản lý nghiên cứu khoa học của toàn ngành.

Số lượng tham gia NCKH ở các Ban chuyên môn từ năm 1996 đến 2010: 141 đề tài và 168 cán bộ ở cấp Trung ương tham gia nghiên cứu.

BHXH các tỉnh, thành phố đã tham gia NCKH từ năm 1996 đến 2010: 36 đề tài và 162 cán bộ tham gia nghiên cứu

Kinh phí dành cho quản lý và nghiên cứu khoa học tăng dần từ năm 1996 chỉ 200 triệu, cho đến 2011 là 2.810 triệu.

(Nguồn: Viện Khoa học BHXH, 2011)

2.2. Thực trạng thực hiện công tác nghiên cứu khoa học

2.2.1. Nghiên cứu khoa học mang tính lý luận

Theo thống kê kế hoạch giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học từ năm 1996 đến năm 2010, toàn ngành BHXH Việt Nam đã triển khai nghiên cứu được 177 công trình

và đã nghiệm thu trên 150 sản phẩm khoa học. Nội dung nghiên cứu đã bao trùm mọi lĩnh vực hoạt động của ngành BHXH.

Theo Công ước quốc tế 102 của Tổ chức lao động thế giới (ILO) thì chính sách Bảo đảm xã hội bao gồm 9 chế độ BHXH. Ở Việt Nam qua từng thời kỳ từ 5 chế độ: Hưu; Tuất; Ốm đau, thai sản; Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm y tế cho đến nay là 7 chế độ bảo hiểm (thêm chế độ dưỡng sức và bảo hiểm thất nghiệp). Để phát triển thêm mỗi chế độ, hoàn thiện bổ sung những văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện cần có sự nghiên cứu kỹ càng về các điều kiện dân số kinh tế, xã hội, nhu cầu về bảo hiểm, khả năng tham gia của các loại đối tượng..., đây là những luận cứ khoa học cung cấp những cơ sở cho những nhà hoạch định chính sách, tư vấn cho Chính phủ có những quyết sách kịp thời.

Về nghiên cứu lý luận cơ bản mang tính vĩ mô về BHXH: lĩnh vực này đã nghiên cứu được trên 20 đề tài và chuyên đề.

2.2. 2. Nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng.

Nhóm này chiếm đại đa số nghiên cứu khoảng gần 100 đề tài. Nhóm đề tài, chuyên đề nghiên cứu các chế độ, chính sách BHXH đang được khai thác triệt để những kết quả nghiên cứu và nhiều đề xuất đã được vận dụng vào thực tế về mở rộng đối tượng tham gia BHXH trong các thành phần kinh tế khác nhau và hoàn thiện các chính sách như: chính sách BHXH tự nguyện; chế độ hưu trí: tuổi nghỉ hưu, mức đóng mức hưởng, điều chỉnh mức lương hưu, cân đối quỹ BHXH, BHYT

Đặc biệt là các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực BHYT cũng được triển khai nghiên cứu và ứng dụng kịp thời: mở rộng đối tượng tham BHYT bắt buộc, nhằm tiến tới thực hiện BHYT toàn dân, về mở rộng BHYT tự nguyện; về khám chữa bệnh cho người có thẻ BHYT tại cơ sở y tế tư nhân; về phương thức chi phí KCB nội trú, ngoại trú và phương thức đồng chi trả; về qui trình giám định và quản lý đối tượng KCB; về danh mục thuốc và quản lý cung ứng thuốc... Những đề xuất này đã được vận dụng trong việc xây dựng lộ trình thực hiện BHYT và xây dựng Luật BHYT.

2.2.3. Liên kết nghiên cứu giữa các đơn vị trong và ngoài ngành BHXH .

Cơ quan BHXH chịu sự quản lý Nhà nước của một số Bộ như Bộ Y tế và Bộ Lao động thương binh và Xã hội. Một số công trình nghiên cứu mang tầm vĩ mô không thể thiếu được sự kết hợp của các vụ chức năng của 2 bộ.

2.4. Thực trạng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học

2.4.1. Cung cấp luận cứ để xây dựng văn bản pháp quy, văn bản tổ chức thực hiện:

Trong quá trình nghiên cứu luận cứ khoa học về bảo hiểm xã hội, các đề tài đã cung cấp nhiều lý luận cơ bản làm căn cứ cho việc đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền xem xét xây dựng các văn bản pháp quy thực hiện chính sách BHXH phù hợp với tình hình thực tiễn xã hội, góp phần bảo vệ quyền lợi thích đáng của người lao động và phục vụ cho việc phát triển xã hội, đảm bảo an toàn xã hội quốc gia.

2.4.2. Ứng dụng trong thực tiễn hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của ngành.

Về ứng dụng thực tiễn không thể bỏ qua những kiến nghị của BHXH các tỉnh, thành. Qua thực tế công việc và những vướng mắc thực tế, BHXH địa phương đã tổ chức nghiên cứu các đề tài cấp cơ sở và cấp BHXH Việt Nam, đề thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học trình bày và cung cấp một cách đầy đủ bức tranh hoạt động của địa phương, mô tả một cách chân thực vướng mắc mà từng địa phương đang cần tháo gỡ, từ đó đưa ra những kiến nghị và đề xuất sát sao với thực tiễn giúp cho BHXH Việt Nam có cơ sở đề xuất lên cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi phù hợp tình hình thực tiễn.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN CỦA NGÀNH BHXH VIỆT NAM

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động KH&CN ngành BHXH

3.1.1. Cơ sở pháp lý

Các văn bản phải đồng bộ thống nhất từ các cơ quan nhà nước về KH&CN như Bộ KH&CN, Bộ Tài chính, cơ quan BHXH Việt Nam. Tạo ra cơ chế phù hợp, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động KH&CN cả về số lượng và chất lượng.

3.1.2. Nhân lực KH&CN

Cho đến 31/12/2010 đội ngũ cán bộ ngành BHXH Việt Nam là 15.670 Trong đó có 5 tiến sỹ, 115 thạc sỹ, 9.470 cán bộ có trình độ đại học các chuyên ngành: Kinh tế, luật, hành chính, y khoa, dược, công nghệ thông tin, tài chính... Đây là lực lượng khá đông đảo cho công tác nghiên cứu khoa học. Nhưng trên thực tế con số cán bộ ngành BHXH từ trung ương đến các địa phương đã tham gia làm công tác nghiên cứu quá ít (mới có 168 cán bộ ở cấp Trung ương và 162 ở địa phương đã tham gia nghiên cứu).

3.1.3. Tổ chức hoạt động KH&CN

Xây dựng cơ chế tổ chức hoạt động KH&CN công khai, minh bạch nhất là trong quản lý và nghiên cứu đề tài. Tuyển chọn và giao nhiệm vụ nghiên cứu cho những công trình có ý nghĩa thực tiễn liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn và sự nghiệp phát triển ngành. Xây dựng mối liên kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, trường đại học và các tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước về BHXH, BHYT. .

3.1.4. Nguồn kinh phí

Kinh phí do cơ quan BHXH Việt Nam cấp hàng năm còn hạn chế, nguồn kinh phí tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước cũng eo hẹp. Do đó chất lượng nghiên cứu cũng phần nào bị ảnh hưởng.

3.1.5. Thông tin KH&CN

Thông tin về KH&CN trong lĩnh vực BHXH, BHYT trong và ngoài nước. Hiện tại các nguồn thông tin trong nước thông qua các kênh thông tin như: trang thông tin điện tử của BHXH Việt Nam, Tạp chí BHXH, trang Web của BHXH một số tỉnh thành phố, Báo BHXH và Tờ Thông tin khoa học BHXH...

3.2. Các giải pháp hỗ trợ

3.2.1. Đổi mới về định hướng nghiên cứu và xét duyệt các đề tài nghiên cứu

Định hướng nghiên cứu phải căn cứ vào mục tiêu chiến lược của ngành nhằm phát triển lĩnh vực nào, nên có kế hoạch ngắn hạn, dài hạn. Ví dụ kế hoạch nghiên cứu 5 năm, 10 năm; chương trình nghiên cứu nhằm đơn giản hoá thủ tục trong giải quyết chính sách BHXH, trong công tác khám chữa bệnh BHYT...

Xây dựng qui trình xét tuyển các đơn vị, cá nhân tham gia đăng ký chủ nhiệm đề tài.

Cần có yêu cầu chung đối với các đề tài khoa học & công nghệ của cơ quan BHXH Việt Nam

3.2.2. Đổi mới công tác quản lý và nghiên cứu khoa học

Sửa đổi, bổ sung qui chế quản lý khoa học cho phù hợp. Xây dựng qui trình quản lý nghiên cứu (những điều còn thiếu trong qui chế quản lý và hiện nay ngành BHXH chưa có quy trình trong quản lý và nghiên cứu khoa học):

3.2.3. Đổi mới công tác ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học

Để vận dụng vào thực tế, trước hết phải đăng tải kết quả nghiên cứu để nhiều người biết đến dưới các hình thức: Xuất bản kỷ yếu khoa học, đăng trên tờ Thông tin khoa học BHXH, tạp chí BHXH và những tạp chí chuyên ngành khác... Đây là cầu nối để khoa học đi vào thực tế.

Đề nghị Tổng Giám đốc bố trí kinh phí dành cho ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế hoạt động chuyên môn của ngành ở các cấp.

3.2.4. Đổi mới công tác đào tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học.

Với một số lượng lớn cán bộ trong ngành BHXH, thì đội ngũ cán bộ có khả năng làm nghiên cứu khoa học là rất lớn. Nhưng để có đội ngũ cán bộ có trình độ, có khả năng trong lĩnh vực BHXH cần phải thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về BHXH, BHYT.

Hàng năm Viện Khoa học BHXH tổ chức tập huấn về phương pháp nghiên cứu. Đối tượng tập huấn: chủ nhiệm đề tài, thư ký, thành viên nghiên cứu.

3.2.5. Đổi mới công tác hợp tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước

Các tổ chức quốc tế như: ILO; WHO, WB, ODA đều có những mối quan hệ nhất định với cơ quan BHXH Việt Nam. Các Viện, các tổ chức nghiên cứu thuộc các Bộ của các nước có mối giao lưu với cơ quan BHXH Việt Nam. Đề nghị Tổng giám đốc giao đầu mối liên kết nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước cho Viện thực hiện. Vừa đúng với chức năng của Viện, vừa đúng với qui định quản lý về tài chính đối với những nguồn vốn tài trợ cho nghiên cứu khoa học.

KẾT LUẬN

Luận văn với đề tài: **"Đổi mới quản lý nhiệm vụ khoa học & công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học & công nghệ ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam"** đã tập trung nghiên cứu thực trạng hoạt động KH&CN ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam từ năm 1996 cho đến nay. Trong phạm vi luận văn, hoạt động KH&CN được giới hạn ở hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học trong ngành BHXH. Trên cơ sở tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá công tác quản lý và nghiên cứu khoa học ở ngành BHXH Việt Nam trong những năm qua, luận văn đã đưa ra những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý và nghiên cứu khoa học. Các nội dung cụ thể mà luận văn đã thực hiện được:

- Hệ thống hóa những khái niệm liên quan đến lĩnh vực quản lý và nghiên cứu khoa học.
- Đánh giá thực trạng công tác quản lý và nghiên cứu khoa học ngành BHXH từ khi thành lập ngành đến nay.
- Đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và nghiên cứu khoa học ngành BHXH.